



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1734 /KVN-KH

Tp Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2014

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2014 của
Tổng công ty khí Việt Nam – CTCP

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.

Tổng công ty khí Việt Nam – CTCP (PV GAS)

Mã chứng khoán: GAS

Địa chỉ trụ sở chính: PV GAS TOWER, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ,
xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 37816777. Fax: (08) 37815666 – 37815777.

Loại thông tin công bố: định kỳ.

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính hợp nhất đã được
soát xét 6 tháng đầu năm 2014 của Tổng công ty khí Việt Nam –
CTCP.**

Thông tin này đã được công bố trên mạng thông tin điện tử của PV
Gas vào ngày 18/8 /2014 tại website <http://www.pvgas.com.vn>, chuyên mục
Quan hệ cổ đông/Tài liệu cổ đông/Báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật
và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã
công bố.

Nơi nhận:

- UBCKNN (Vụ Quản lý Phát hành
Chứng khoán);
- SGDCK Tp HCM;
- HĐQT TCT (để báo cáo);
- PTGD TT D.M.Sơn;
- Ban TC, KTKT;
- Lưu: VT, KH.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được
soát xét 6 tháng đầu năm 2014



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Khang Ninh

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

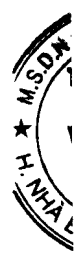
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 42

ĐƯỢC
CÓ
CH
DE
T
/o



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Như Linh	Chủ tịch
Ông Vũ Đình Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Khang Ninh	Thành viên
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Khang Ninh	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Dương Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Trần Hưng Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2014

Số: *222* /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 19 tháng 8 năm 2014, từ trang 4 đến trang 42. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 19 tháng 8 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1130-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		29.033.427.956.185	28.307.000.125.801
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	20.321.030.401.809	18.292.997.853.785
1. Tiền	111		4.513.525.354.217	2.871.148.131.563
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.807.505.047.592	15.421.849.722.222
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.061.630.416.667	818.400.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	1.061.630.416.667	818.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.614.180.176.663	5.960.271.247.392
1. Phải thu khách hàng	131		4.907.742.193.583	5.367.524.365.864
2. Trả trước cho người bán	132		385.304.211.474	364.713.506.477
3. Các khoản phải thu khác	135	6	416.155.941.822	303.515.673.310
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(95.022.170.216)	(75.482.298.259)
IV. Hàng tồn kho	140	7	1.604.494.352.935	2.461.447.890.066
1. Hàng tồn kho	141		1.657.355.499.856	2.551.234.000.042
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(52.861.146.921)	(89.786.109.976)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		432.092.608.111	773.883.134.558
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		88.593.629.894	99.394.627.300
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		178.506.526.336	155.681.481.108
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	47.953.526.349	27.431.864.026
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	117.038.925.532	491.375.162.124
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		19.824.164.353.128	21.540.672.785.751
I. Tài sản cố định	220		18.490.906.034.179	19.832.971.680.375
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	16.307.789.777.037	16.566.943.437.255
- Nguyên giá	222		34.770.711.700.915	33.379.936.365.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.462.921.923.878)	(16.812.992.928.470)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	119.599.059.346	117.401.685.038
- Nguyên giá	225		265.367.073.913	234.189.964.033
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(145.768.014.567)	(116.788.278.995)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	342.448.013.148	345.269.451.846
- Nguyên giá	228		377.402.004.774	375.361.704.774
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.953.991.626)	(30.092.252.928)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	1.721.069.184.648	2.803.357.106.236
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		442.927.190.482	445.219.192.283
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	76.326.906.702	78.618.908.503
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	441.600.283.780	441.600.283.780
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(75.000.000.000)	(75.000.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		890.331.128.467	1.262.481.913.093
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	845.086.857.014	1.231.778.636.667
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		19.207.616.654	5.499.218.456
3. Tài sản dài hạn khác	268		26.036.654.799	25.204.057.970
C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269	19	518.666.966.315	531.262.467.013
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)	270		49.376.259.275.628	50.378.935.378.565

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

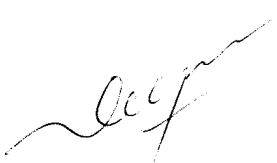
Đơn vị: VND

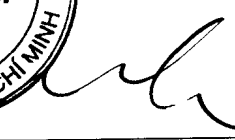
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		12.428.786.449.276	15.345.611.241.732
I. Nợ ngắn hạn	310		7.814.424.498.997	9.873.098.383.528
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	3.050.701.723.409	2.852.512.594.119
2. Phải trả người bán	312		1.019.353.621.226	3.658.256.678.856
3. Người mua trả tiền trước	313		98.432.720.636	73.689.620.884
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	1.006.458.980.849	773.742.762.060
5. Phải trả người lao động	315		162.941.664.084	137.995.751.453
6. Chi phí phải trả	316	22	1.577.437.157.319	1.564.990.395.523
7. Phải trả ngắn hạn nội bộ	317	23	119.284.514.165	298.361.455.294
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	24	530.065.626.667	404.605.274.667
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		249.748.490.642	108.943.850.672
II. Nợ dài hạn	330		4.614.361.950.279	5.472.512.858.204
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	44.264.383.269
2. Phải trả dài hạn khác	333	25	211.987.572.440	229.197.999.385
3. Vay và nợ dài hạn	334	26	4.021.042.142.840	4.604.396.517.868
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337		102.302.280.309	82.576.132.249
5. Doanh thu chưa thực hiện	338		272.075.507.051	505.123.377.794
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		6.954.447.639	6.954.447.639
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410)	400		35.329.728.851.095	33.358.036.009.393
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	35.329.728.851.095	33.358.036.009.393
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.950.000.000.000	18.950.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.216.727.266	1.216.727.266
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		31.669.684.486	33.010.841.083
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.967.402.952.442	8.519.430.938.822
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.685.944.872.162	2.683.834.433.528
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		134.944.997.553	134.944.997.553
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.558.549.617.186	3.035.598.071.141
C. LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỞ	439	28	1.617.743.975.257	1.675.288.127.440
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		49.376.259.275.628	50.378.935.378.565

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
1. Hàng hóa nhận giữ hộ (Kg)	1.397.848	1.397.848
2. Ngoại tệ các loại		
USD		5.107.337
EUR		1.947


Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu


Mai Hữu Ngân
 Kế toán trưởng


Đỗ Khang Ninh
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	34.878.797.108.811	31.855.998.763.952
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	111.416.700.199	53.703.209.487
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	30	34.767.380.408.612	31.802.295.554.465
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	25.502.858.858.337	22.597.313.105.981
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		9.264.521.550.275	9.204.982.448.484
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	611.590.895.486	567.202.890.212
7. Chi phí tài chính	22	33	275.540.327.469	339.790.484.295
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		204.732.577.390	209.755.353.313
8. Chi phí bán hàng	24		676.071.528.510	630.735.598.895
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		828.356.925.495	863.119.855.521
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		8.096.143.664.287	7.938.539.399.985
11. Thu nhập khác	31	34	18.150.138.549	1.175.156.453.254
12. Chi phí khác	32	35	25.757.050.422	32.851.630.908
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(7.606.911.873)	1.142.304.822.346
14. Phần lãi trong công ty liên kết	45		2.602.547.306	2.254.026.817
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		8.091.139.299.720	9.083.098.249.148
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	1.581.019.331.849	1.705.642.448.089
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(13.708.398.198)	(1.584.043.846)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6.523.828.366.069	7.379.039.844.905
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		136.989.784.525	178.096.782.919
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		6.386.838.581.544	7.200.943.061.986
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37		3.796


Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu


Mai Hữu Ngân
 Kế toán trưởng


Đỗ Khang Ninh
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

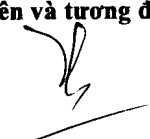
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.091.139.299.720	9.083.098.249.148
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.690.393.965.900	1.623.098.513.562
Các khoản dự phòng	03	(17.385.091.098)	18.944.728.162
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	30.012.068.879	72.032.465.184
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(590.080.433.425)	(552.536.230.405)
Chi phí lãi vay	06	204.732.577.390	209.755.353.313
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.408.812.387.366	10.454.393.078.964
Thay đổi các khoản phải thu	09	365.970.361.366	(485.169.789.385)
Thay đổi hàng tồn kho	10	893.878.500.186	(25.541.837.478)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.715.134.011.692)	(267.873.819.467)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	726.536.812.049	640.277.958.649
Tiền lãi vay đã trả	13	(210.841.012.117)	(247.557.281.740)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.368.626.507.389)	(1.591.224.766.930)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	27.014.880.807
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(169.069.641.429)	(356.242.435.351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.931.526.888.340	8.148.075.988.069
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(652.036.321.296)	(846.453.902.010)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	4.956.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(311.230.416.667)	(355.637.836)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	68.000.000.000	48.350.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	575.980.396.427	571.827.493.544
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(319.281.385.172)	(226.632.046.302)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.645.300.442.392	1.064.571.836.283
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.042.512.974.811)	(2.022.733.824.423)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(18.942.957.334)	(20.551.255.356)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.168.882.560.000)	(1.914.318.474.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.585.038.049.753)	(2.893.031.717.766)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.027.207.453.415	5.028.412.224.001
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.292.987.859.782	12.753.084.518.890
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	894.609	(290.303.915)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	20.321.030.401.849	17.181.206.438.976


Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu


Mai Hữu Ngân
 Kế toán trưởng


Đỗ Khang Ninh
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500102710 cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2011 với vốn điều lệ là 18.950 tỷ đồng. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là GAS.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng Công ty có các công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là “PVGAS South”).
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “PVGAS North”).
- Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PVGAS D”).
- Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PV Coating”).
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PV Pipe”).

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí. Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG, Condensate. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan, chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí, nhập vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Dịch vụ vận tải và các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí, vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó tối đa là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, phải thu khách hàng, phải thu khác và các tài sản tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)****Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.



300102
NG CỘNG
KHÍ
ỆT N
ÔNG T
Ổ PHÁ
- TP.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 20

Tài sản cố định hữu hình là máy móc, thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm của dự án bốc ồng tại Công ty Cổ phần Bọc ồng Dầu Khí Việt Nam (công ty con của Tổng Công ty) được tính khấu hao theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, thương hiệu, giá trị quyền thuê và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian được cấp, quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao. Giá trị quyền thuê không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba (03) đến chín (09) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20% tổng số vốn tương đương quyền biểu quyết của các công ty này được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị vỏ bình gas và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian ba (03) năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Giá trị vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian sử dụng ước tính của vỏ bình (kỳ quỹ, kỳ cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác và được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas). Giá trị vỏ bình gas được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá mười (10) năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí còn lại được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)***Doanh thu bán hàng (Tiếp theo)*

Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn được ghi nhận tại thời điểm Tổng Công ty phát hành hoá đơn giá trị gia tăng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là phần giá trị chênh lệch giữa khối lượng khí giao nhận thực tế thấp hơn so với lượng khí theo định mức bao tiêu giữa Tổng Công ty với khách hàng. Giá trị này sẽ được bù trừ với phần giá trị sử dụng vượt định mức bao tiêu trong các kỳ tiếp theo.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty và các công ty con. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa bằng 10% thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	16.686.526.576	20.278.890.078
Tiền gửi ngân hàng	4.496.030.439.296	2.850.438.727.910
Tiền đang chuyển	808.388.345	430.513.575
Các khoản tương đương tiền (i)	15.807.505.047.592	15.421.849.722.222
	20.321.030.401.809	18.292.997.853.785

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở xuống	1.061.530.416.667	818.300.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	100.000.000	100.000.000
	1.061.630.416.667	818.400.000.000

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác liên doanh thực hiện xây dựng đường ống Lô B - Ô Môn	17.530.759.050	23.629.438.880
Phải thu Công ty Cổ phần Địa Ốc Phú Long	14.384.446.944	21.474.885.586
Phải thu PVC MeKong liên quan đến hợp đồng xây dựng khu văn phòng cho thuê tại Bạc Liêu	50.000.000.000	50.000.000.000
Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	95.533.681.857	96.289.596.413
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (i)	17.164.292.191	-
Phải thu Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Tiền bồi thường bảo hiểm	-	10.465.468.068
Các khoản phải thu khác	221.542.761.780	101.656.284.363
	416.155.941.822	303.515.673.310

- (i) Phản ánh khoản phải thu Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) (bên liên quan của Tổng Công ty) liên quan đến lợi nhuận được chia từ liên danh sản xuất xăng. Tổng Công ty và PV Oil đã có thỏa thuận chấm dứt liên danh sản xuất xăng từ năm 2014.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	22.050.927.002	75.266.818.644
Nguyên liệu, vật liệu	757.497.650.864	537.768.189.494
Công cụ, dụng cụ	67.870.938.253	61.045.044.314
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	75.675.763.621	47.169.471.714
Thành phẩm	67.221.047.004	89.974.375.039
Hàng hóa	665.449.025.255	1.739.953.337.079
Hàng gửi bán	1.590.147.857	56.763.758
	1.657.355.499.856	2.551.234.000.042
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(52.861.146.921)	(89.786.109.976)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.604.494.352.935	2.461.447.890.066

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.419.642.821	4.419.642.821
Thuế xuất nhập khẩu	42.805.158.463	22.382.302.241
Thuế thu nhập doanh nghiệp	213.310.972	213.310.972
Thuế thu nhập cá nhân	12.961.045	285.561.037
Các loại thuế khác	502.453.048	131.046.955
	47.953.526.349	27.431.864.026

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	186.346.432	750.437.509
Tạm ứng	17.692.516.031	12.602.037.800
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (i)	98.895.763.069	478.022.686.815
Khác	264.300.000	-
	117.038.925.532	491.375.162.124

- (i) Ký cược, ký quỹ ngắn hạn chủ yếu là số dư các khoản ký quỹ của Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí (đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty) tại các ngân hàng để thanh toán cho các giao dịch xuất nhập khẩu.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản có định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	5.485.654.590.753	3.757.527.919.631	521.357.519.376	131.635.698.722	23.483.760.637.243	33.379.936.365.725
Mua trong kỳ	2.579.795.945	5.900.372.354	561.043.834	8.394.619.287	2.228.204.993	19.664.036.413
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	51.081.998.496	52.912.820.933	6.639.062.878	513.316.000	1.266.402.678.611	1.377.549.876.918
Điều chỉnh theo quyết toán	9.827.215.212	-	-	-	(17.418.638.660)	(7.591.423.448)
Tăng khác	-	-	-	-	8.552.493.182	8.552.493.182
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.280.979.844)	-	(320.900.000)	(5.197.571.555)	(6.799.451.399)
Giảm khác	(211.098.672)	(389.097.804)	-	-	-	(600.196.476)
Phân loại lại	(1.427.361.031)	999.411.127	869.631.545	(408.380.877)	(33.300.764)	-
Tại ngày 30/6/2014	5.547.505.140.703	3.815.670.446.397	529.427.257.633	139.814.353.132	24.738.294.503.050	34.770.711.700.915
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	1.388.478.149.317	1.134.260.661.984	358.775.370.888	87.232.949.567	13.844.245.796.714	16.812.992.928.470
Khấu hao trong kỳ	239.432.377.892	184.151.226.124	34.589.768.320	9.766.726.404	1.188.612.392.890	1.656.552.491.630
Tăng khác	-	-	-	-	154.659.977	154.659.977
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.280.979.844)	-	(320.900.000)	(5.176.276.355)	(6.778.156.199)
Tại ngày 30/6/2014	1.627.910.527.209	1.317.130.908.264	393.365.139.208	96.678.775.971	15.027.836.573.226	18.462.921.923.878
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2014	3.919.594.613.494	2.498.539.538.133	136.062.118.425	43.135.577.161	9.710.457.929.824	16.307.789.777.037
Tại ngày 01/01/2014	4.097.176.441.436	2.623.267.257.647	162.582.148.488	44.402.749.155	9.639.514.840.529	16.566.943.437.255

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 792.170.627.442 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 622.554.209.299 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm một số tài sản cố định có nguyên giá là 3.571.210.641.710 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.767.101.966.857 đồng) được tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt đối với các chênh lệch phát sinh (nếu có).

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc và Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (các công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 151.415.350.631 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 154.587.982.001 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty này.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ dự án Nhà máy bọc ống tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Nhà máy chế tạo ống thép tại Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp thuộc Xã Gia Thuận, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty này.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	190.581.907.418	43.608.056.615	234.189.964.033
Mua trong kỳ	19.586.417.520	-	19.586.417.520
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	11.590.692.360	-	11.590.692.360
Phân loại lại	(42.086.821.615)	42.086.821.615	-
Tại ngày 30/6/2014	179.672.195.683	85.694.878.230	265.367.073.913
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	87.182.724.947	29.605.554.048	116.788.278.995
Khấu hao trong kỳ	21.916.278.869	7.063.456.703	28.979.735.572
Phân loại lại	(28.084.319.048)	28.084.319.048	-
Tại ngày 30/6/2014	81.014.684.768	64.753.329.799	145.768.014.567
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2014	98.657.510.915	20.941.548.431	119.599.059.346
Tại ngày 01/01/2014	103.399.182.471	14.002.502.567	117.401.685.038

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Thương hiệu VND	Giá trị quyền thuê VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	330.966.401.892	38.574.125.260	1.464.370.376	4.288.007.246	68.800.000	375.361.704.774
Tăng trong kỳ	-	2.040.300.000	-	-	-	2.040.300.000
Tại ngày 30/6/2014	330.966.401.892	40.614.425.260	1.464.370.376	4.288.007.246	68.800.000	377.402.004.774
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	3.587.419.347	26.105.529.076	336.237.837	-	63.066.668	30.092.252.928
Khấu hao trong kỳ	422.782.152	4.351.869.304	81.353.910	-	5.733.332	4.861.738.698
Tại ngày 30/6/2014	4.010.201.499	30.457.398.380	417.591.747	-	68.800.000	34.953.991.626
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2014	326.956.200.393	10.157.026.880	1.046.778.629	4.288.007.246	-	342.448.013.148
Tại ngày 01/01/2014	327.378.982.545	12.468.596.184	1.128.132.539	4.288.007.246	5.733.332	345.269.451.846

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	426.662.655.620	398.886.902.889
Dự án Chung cư C2 Chí Linh	46.438.795.278	46.438.795.278
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	610.870.292.715	498.635.784.711
Kho cảng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng	131.850.342.644	131.849.342.644
Dự án nhà máy sản xuất ống thép dầu khí	15.910.487.989	13.108.145.053
Nhà máy xử lý khí Cà Mau	91.578.120.064	362.651.695.592
Kho chứa LNG Thị Vải	74.432.838.473	74.349.202.109
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và mỏ Thái Bình	107.541.751.831	88.493.398.924
Tuyến đường ống kết nối Đông - Tây Nam Bộ	20.809.223.285	20.809.223.285
Hệ thống thu gom và vận chuyển khí Đại Hùng - Nam Côn Sơn 2	20.830.323.815	20.237.217.410
Dự án Đại Hùng	17.068.840.352	9.706.709.983
Dự án đường ống thu gom khí mỏ Thăng Long - Nam Đông Đô	6.252.462.966	6.442.462.966
Tổng kho sản phẩm khí Đà Nẵng	41.406.377.673	28.625.586.440
Các hạng mục dùng chung của kho chứa LPG lạnh Thị Vải và Kho LNG	-	250.265.717.649
Công trình mở rộng hệ thống thu gom khí Mỏ Rồng giai đoạn 1	-	737.285.175.350
Công trình trạm khí CNG cho xe ô tô	-	29.827.146.367
Khác	109.416.671.943	85.744.599.586
	1.721.069.184.648	2.803.357.106.236

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính	Số tiền đầu tư tại ngày 30/6/2014 VND	Số tiền đầu tư tại ngày 31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (i)	TP HCM	35,26%	35,26%	Phân phối khí hóa lỏng	226.460.000.000	226.460.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (i)	Hà Nội	35,88%	35,88%	Phân phối khí hóa lỏng	118.364.908.900	118.364.908.900
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	TP HCM	50,50%	50,50%	Phân phối khí thấp áp	778.958.445.000	778.958.445.000
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Vũng Tàu	76,50%	76,50%	Kinh doanh dịch vụ bọc ống	184.839.835.833	184.839.835.833
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tiền Giang	99,99%	99,99%	Sản xuất ống thép	1.858.375.690.000	1.719.375.690.000
					3.166.998.879.733	3.027.998.879.733

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

- (i) Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tổng Công ty góp dưới 50% vốn điều lệ nhưng nắm quyền chi phối. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, quyền chi phối của Tổng Công ty đối với các công ty nhận đầu tư này đã được xác định chắc chắn và việc xác định các công ty này là công ty con của Tổng Công ty phù hợp với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	76.326.906.702	78.618.908.503
	76.326.906.702	78.618.908.503

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Hà Nội	35,51%	Kinh doanh khí

16. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hợp tác cùng góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" tại số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Phần vốn góp của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần chiếm tỷ lệ:	70%
Phần vốn góp của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần chiếm tỷ lệ:	20%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long chiếm tỷ lệ:	10%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH (Tiếp theo)

Dưới đây là số liệu về kết quả kinh doanh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên giá tài sản cố định	718.541.747.813	718.541.747.813
Hao mòn lũy kế tài sản cố định	57.971.304.775	48.082.852.898
Giá trị còn lại của tài sản cố định	660.570.443.038	670.458.894.915
	Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
	đến ngày 30/6/2014	đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Doanh thu của hợp đồng hợp tác kinh doanh	11.375.588.861	58.546.878.037
Giá vốn của hợp đồng hợp tác kinh doanh	22.871.577.404	25.753.047.841
Chi phí khác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	93.797.466	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.198.457.549
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.589.786.009)	24.595.372.647
Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	(8.112.850.206)	17.216.760.853
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	(2.317.957.202)	4.919.074.529
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	(1.158.978.601)	2.459.537.265

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (i)	311.250.000.000	311.250.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	45.350.283.780	45.350.283.780
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny (ii)	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (ii)	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10.000.000.000	10.000.000.000
	441.600.283.780	441.600.283.780

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và nhận thấy không có sự suy giảm giá trị nên không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc và Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (các công ty con của Tổng Công ty) đã xác định sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này và thực hiện trích lập dự phòng giảm giá 100% dựa trên tình hình hoạt động thực tế của các công ty nhận đầu tư.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh doanh nghiệp (i)	-	341.217.322.506
Chi phí vô bình gas chờ phân bổ	528.836.289.892	558.646.525.552
Chi phí trả trước dài hạn khác	316.250.567.122	331.914.788.609
	845.086.857.014	1.231.778.636.667

- (i) Lợi thế kinh doanh doanh nghiệp của Tổng Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Giá trị đã phân bổ vào chi phí trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 341.217.322.506 đồng.

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	531.262.467.013	619.357.443.887
Tăng/(Giảm) do mua/bán các khoản đầu tư	27.761.987.797	(12.006.997.852)
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(40.357.488.495)	(76.087.979.022)
Số dư cuối kỳ	518.666.966.315	531.262.467.013

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	792.553.388.769	370.415.091.649
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 26)	2.258.148.334.640	2.482.097.502.470
	3.050.701.723.409	2.852.512.594.119

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	194.122.337.618	184.436.389.605
Thuế xuất, nhập khẩu	-	17.612.241
Thuế thu nhập doanh nghiệp	799.050.835.204	568.234.143.846
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.584.847.412	5.339.839.281
Thuế thu nhập cá nhân	3.578.137.855	12.825.116.358
Các loại thuế khác	3.122.822.760	2.889.660.729
	1.006.458.980.849	773.742.762.060

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (Tiếp theo)**

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 30/6/2014
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	180.016.746.604	1.144.529.945.537	1.134.856.958.569	189.689.733.572
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.339.839.281	47.277.277.371	46.032.269.240	6.584.847.412
Thuế xuất nhập khẩu	(22.364.690.000)	71.280.809.374	91.721.277.837	(42.805.158.463)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	568.020.832.874	1.599.443.198.747	1.368.626.507.389	798.837.524.232
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	295.892.000	2.956.540.478	1.148.555.900	2.103.876.578
Thuế thu nhập cá nhân	12.591.923.045	31.898.727.130	40.912.512.320	3.578.137.855
Thuế môn bài	-	45.000.000	45.000.000	-
Thuế nộp thay nhà thầu phụ	1.573.857.303	21.408.302.393	21.963.213.514	1.018.946.182
Thuế và các khoản phí, lệ phí khác	836.496.927	614.817.329	1.953.767.124	(502.452.868)
Cộng	746.310.898.034	2.919.454.618.359	2.707.260.061.893	958.505.454.500
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	27.431.864.026			47.953.526.349
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	773.742.762.060			1.006.458.980.849

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí nhà điều hành Nam Côn Sơn	23.580.406.049	35.338.734.292
Trích trước chi phí vận hành mỏ Rồng Đồi Mồi và Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	25.590.200.205	26.670.743.950
Chi phí lãi vay	40.510.464.212	48.465.733.203
Trích trước chi phí sửa chữa công trình khí (i)	236.169.243.341	242.309.132.892
Trích trước chi phí mua khí	1.038.419.651.616	999.551.877.663
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang	122.295.000.908	186.069.713.421
Các khoản khác	90.872.190.988	26.584.460.102
	1.577.437.157.319	1.564.990.395.523

- (i) Tổng Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng các công trình khí trên cơ sở dự toán chi phí phát sinh cho các hạng mục sẽ được sửa chữa trong các kỳ kế toán tiếp theo. Tổng Công ty tin tưởng rằng việc trích trước các khoản chi phí này là phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty.

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN NỘI BỘ

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	119.284.514.165	298.361.455.294
	119.284.514.165	298.361.455.294

Số dư phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chủ yếu phản ánh khoản chi phí dịch vụ quản lý phải trả theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chi phí dịch vụ quản lý hàng kỳ theo mức từ 0,05% đến 0,5% tính trên từng loại doanh thu.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long (i)	87.973.835.226	89.132.813.827
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (i)	171.321.543.652	173.639.500.854
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro (ii)	65.025.992.405	65.025.992.405
Công ty Edgen Murray (iii)	105.661.575.696	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	100.082.679.688	76.806.967.581
	530.065.626.667	404.605.274.667

- (i) Các khoản phải trả thể hiện phần vốn góp và lợi nhuận được chia của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long từ việc đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" như trình bày tại Thuyết minh số 16.
- (ii) Khoản phải trả liên quan đến việc đầu tư chung Dự án "Xây dựng nhà ở 10 chỗ tại giàn MSP4" của Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ (đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty) và Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro (Vietsov). Theo đó, Vietsov là đơn vị theo dõi, kiểm tra và chịu trách nhiệm chi trả cho nhà thầu. Căn cứ trên biên bản nghiệm thu với nhà thầu, Vietsov sẽ thu lại phần chi phí xây dựng tương ứng với tỷ lệ đầu tư của Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ.
- (iii) Phản ánh khoản phải trả nhà cung cấp về giá trị hàng hóa đã nhận trong kỳ liên quan đến việc nhận ủy thác nhập khẩu cho Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (công ty con của Tổng Công ty).

25. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nhận ký quỹ ký cược vỏ bình gas	209.296.963.555	226.233.196.950
Khác	2.690.608.885	2.964.802.435
	211.987.572.440	229.197.999.385

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	6.184.170.023.206	6.982.643.865.112
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.611.118.370.196	2.811.700.849.704
Ngân hàng Standard Chartered	944.299.999.953	1.246.357.777.731
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	113.542.726.892	224.696.339.043
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.058.830.378.153	686.956.739.845
Ngân hàng Đầu tư Châu Âu	78.633.638.341	153.974.424.042
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	689.673.682.952	422.090.460.552
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	92.831.713.693	122.526.239.951
Ngân hàng TMCP Đại Dương	9.841.957.700	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	524.486.458.296
Ngân hàng TMCP Quân đội	59.524.097.030	80.058.679.230
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	709.795.896.718
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	525.873.458.296	-
Nợ dài hạn	95.020.454.274	103.850.155.226
Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	30.877.809.835	42.380.188.435
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	13.359.304.243	18.072.761.679
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam VILC	49.013.509.596	41.068.480.639
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	1.769.830.600	2.328.724.473
	6.279.190.477.480	7.086.494.020.338
Trừ: nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày trên phần nợ ngắn hạn)	2.258.148.334.640	2.482.097.502.470
Vay và nợ dài hạn phải trả sau 12 tháng	4.021.042.142.840	4.604.396.517.868

Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ để phục vụ cho việc đầu tư mua sắm tài sản cố định của Tổng Công ty. Chi tiết số tiền vay theo đồng tiền giải ngân như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay bằng USD	3.200.278.699.649	4.678.602.464.864
Vay bằng VND	3.078.911.777.831	2.407.891.555.474
	6.279.190.477.480	7.086.494.020.338

Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tín chấp	5.894.073.146.137	5.857.194.256.952
Bảo lãnh của bên thứ 3	78.633.638.341	153.974.424.042
Bảo đảm bằng tài sản của Tổng Công ty	211.463.238.728	971.475.184.118
Thuê tài chính	95.020.454.274	103.850.155.226
	6.279.190.477.480	7.086.494.020.338

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Lãi suất trong kỳ là từ 9,5% đến 13,5%/năm đối với Đồng Việt Nam, từ 0,75% đến 2,97%/năm đối với đồng Đô la Mỹ. Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay theo lãi suất cố định	953.509.601.095	545.337.429.752
Vay theo lãi suất thả nổi	5.325.680.876.385	6.541.156.590.586
	6.279.190.477.480	7.086.494.020.338

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.258.148.334.640	2.482.097.502.470
Trong năm thứ hai	1.397.398.334.868	1.855.496.667.675
Từ ba năm đến năm thứ năm	1.905.789.878.382	1.799.741.757.126
Sau năm năm	717.853.929.590	949.158.093.067
	6.279.190.477.480	7.086.494.020.338
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	2.258.148.334.640	2.482.097.502.470
Số phải trả sau 12 tháng	4.021.042.142.840	4.604.396.517.868

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	18.950.000.000.000	-	33.010.841.083	1.548.073.253.137	1.456.619.605.947	5.071.807.931.521	131.687.747.553	27.191.199.379.241
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.595.879.648.698	-	12.595.879.648.698
Trích lập các quỹ	-	-	-	7.074.089.332.728	1.232.864.559.160	(8.313.403.891.888)	6.450.000.000	-
Điều chỉnh theo quyết toán cổ phần hóa	-	1.216.727.266	-	-	-	(245.831.372.787)	-	(244.614.645.521)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(216.057.825.177)	-	(216.057.825.177)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.685.000.000.000)	-	(5.685.000.000.000)
Lợi nhuận chia cho các bên liên doanh	-	-	-	-	-	(11.094.470.644)	-	(11.094.470.644)
Thay đổi khác	-	-	-	(96.538.297)	(93.163.176)	21.837.936.535	-	21.648.235.062
Phân bổ lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	(102.635.108.746)	(5.556.568.403)	(182.539.885.117)	(3.192.750.000)	(293.924.312.266)
Số dư tại ngày 01/01/2014	18.950.000.000.000	1.216.727.266	33.010.841.083	8.519.430.938.822	2.683.834.433.528	3.035.598.071.141	134.944.997.553	33.358.036.009.393
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	6.523.828.366.069	-	6.523.828.366.069
Trích lập các quỹ	-	-	-	141.643.424.389	5.298.039.526	(146.941.463.915)	-	-
Điều chỉnh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014 (i)	-	-	-	(1.612.672.193.928)	-	1.612.672.193.928	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	(266.681.396.691)	-	(266.681.396.691)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(4.169.000.000.000)	-	(4.169.000.000.000)
Lỗ chia cho các bên liên doanh	-	-	-	-	-	3.476.935.803	-	3.476.935.803
Thay đổi khác	-	-	(3.803.279.903)	-	(2.599.235.936)	(5.941.255.018)	-	(12.343.770.857)
Phân bổ lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	2.462.123.306	(80.999.216.841)	(588.364.956)	(28.461.834.131)	-	(107.587.292.622)
Số dư tại ngày 30/6/2014	18.950.000.000.000	1.216.727.266	31.669.684.486	6.967.402.952.442	2.685.944.872.162	6.558.549.617.186	134.944.997.553	35.329.728.851.095



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(i) Công ty mẹ - Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh lại số dư Quỹ đầu tư phát triển đã tạm trích trong năm 2013 theo số liệu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 56/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014. Theo đó, Tổng Công ty điều chỉnh giảm Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 1.612.672.193.928 đồng.

(ii) Trong đó, Công ty mẹ - Tổng Công ty thực hiện trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo số liệu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 56/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 với số tiền 166.109.839.653 đồng.

Công ty mẹ - Tổng Công ty cũng thực hiện tạm trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 với số tiền 61.152.459.913 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng số tiền trích các quỹ trên sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.832.835.900	96,72	18.328.359.000.000
Các cổ đông khác	62.164.100	3,28	621.641.000.000
	1.895.000.000	100	18.950.000.000.000

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.895.000.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu	30/6/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.895.000.000	1.895.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.895.000.000	1.895.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.895.000.000	1.895.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.895.000.000	1.895.000.000

Cổ tức:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 56/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2014 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 61/NQ-KVN ngày 25 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty đã công bố và chi trả cổ tức đợt 3 từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 với số tiền là 4.169.000.000.000 đồng (tương đương với 2.200 đồng/cổ phần).

28. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	807.901.285.300	833.953.049.289
Vốn khác thuộc chủ sở hữu	1.322.455.947	8.110.915.588
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	14.845.685.500
Thặng dư vốn cổ phần	38.055.042.784	38.055.042.784
Quỹ đầu tư phát triển	524.200.190.942	438.886.816.432
Quỹ dự phòng tài chính	63.545.800.007	64.880.969.147
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.674.513.616	6.162.750.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	175.044.686.661	270.392.898.700
	1.617.743.975.257	1.675.288.127.440

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**Bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Tổng Công ty tổ chức các hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực trên cơ sở các công ty con hoạt động tương đối riêng biệt.

Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Hoạt động kinh doanh khí và các sản phẩm khí (gồm có Công ty mẹ - Tổng Công ty, PVGAS South, PVGAS North và PVGAS D);
- Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí: sản xuất ống thép, xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình khí (gồm có PV Pipe và PV Coating);

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.895.879.044.119	425.151.357.690	-	20.321.030.401.809
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.061.300.000.000	330.416.667	-	1.061.630.416.667
Các khoản phải thu ngắn hạn	9.238.120.838.286	523.187.024.285	(4.147.127.685.908)	5.614.180.176.663
Hàng tồn kho	1.238.796.865.163	365.697.487.772	-	1.604.494.352.935
Tài sản ngắn hạn khác	415.403.504.483	16.689.103.628	-	432.092.608.111
Tài sản cố định	16.230.281.910.195	2.251.415.432.573	9.208.691.411	18.490.906.034.179
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.102.254.211.682	-	(2.659.327.021.200)	442.927.190.482
Tài sản dài hạn khác	773.609.682.730	118.131.302.172	(1.409.856.435)	890.331.128.467
Lợi thế thương mại	35.085.121.150	-	483.581.845.165	518.666.966.315
Tổng tài sản hợp nhất	51.990.731.177.808	3.700.602.124.787	(6.315.074.026.967)	49.376.259.275.628
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	10.499.056.863.330	1.453.171.059.364	(4.137.803.423.697)	7.814.424.498.997
Nợ dài hạn	4.095.798.549.487	520.088.828.027	(1.525.427.235)	4.614.361.950.279
Tổng nợ phải trả hợp nhất	14.594.855.412.817	1.973.259.887.391	(4.139.328.850.932)	12.428.786.449.276

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Tổng doanh thu thuần	39.288.576.175.954	675.971.253.541	(5.197.167.020.883)	34.767.380.408.612
Doanh thu nội bộ	5.163.581.568.375	33.585.452.508	(5.197.167.020.883)	-
Tổng doanh thu	34.124.994.607.579	642.385.801.033	-	34.767.380.408.612
Chi phí kinh doanh	31.609.707.435.508	559.456.231.730	(5.161.876.354.896)	27.007.287.312.342
- Giá vốn hàng bán	30.157.698.996.833	508.741.429.879	(5.163.581.568.375)	25.502.858.858.337
- Chi phí bán hàng	706.076.953.512	-	(30.005.425.002)	676.071.528.510
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	745.931.485.163	50.714.801.851	31.710.638.481	828.356.925.495
Kết quả hoạt động kinh doanh	7.678.868.740.446	116.515.021.811	(35.290.665.987)	7.760.093.096.270
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết				2.602.547.306
Doanh thu hoạt động tài chính				611.590.895.486
Chi phí tài chính				275.540.327.469
(Lỗ) khác				(7.606.911.873)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				8.091.139.299.720
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1.581.019.331.849
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(13.708.398.198)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				6.523.828.366.069

30. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	34.878.797.108.811	31.855.998.763.952
Doanh thu bán khí khô	18.280.899.445.380	16.861.907.559.611
Doanh thu bán LPG	13.349.350.934.668	12.122.551.705.045
Doanh thu vận chuyển khí	1.808.609.931.211	1.961.970.339.656
Doanh thu bán condensate	520.050.051.082	233.305.314.577
Doanh thu cho thuê tòa nhà PV GAS Tower	11.375.588.861	58.546.878.037
Doanh thu khác	908.511.157.609	617.716.967.026
Các khoản giảm trừ doanh thu	111.416.700.199	53.703.209.487
Chiết khấu thương mại	64.139.422.828	32.493.635.435
Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu	47.277.277.371	21.209.574.052
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.767.380.408.612	31.802.295.554.465

Tổng Công ty xác định thời điểm ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn là thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu và chi phí mua khí của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 5 và tháng 6 năm 2014 chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 với số tiền lần lượt là 4.900 tỷ đồng và 4.196 tỷ đồng (doanh thu và chi phí mua khí phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2013 được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 với số tiền lần lượt là 4.056 tỷ đồng và 3.328 tỷ đồng).

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Giá vốn bán khí khô	12.435.508.740.536	11.118.782.646.064
Giá vốn bán LPG	11.408.297.568.988	10.167.819.415.905
Giá vốn vận chuyển khí	698.842.103.799	678.494.185.200
Giá vốn bán condensate	216.483.074.607	105.882.478.118
Giá vốn cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	22.871.577.404	23.781.242.855
Giá vốn khác	720.855.793.003	502.553.137.839
	25.502.858.858.337	22.597.313.105.981

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	575.224.481.871	528.928.905.645
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.835.433.143	5.790.419.717
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.144.810.779	6.461.567.320
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.164.292.191	23.359.997.530
Lãi từ bán các khoản đầu tư	-	2.662.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	221.877.502	-
	611.590.895.486	567.202.890.212

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	204.732.577.390	209.755.353.313
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.537.704.850	28.926.106.726
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.996.420.562	78.494.032.504
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	20.200.318.982
Chi phí tài chính khác	1.701.967.564	2.414.672.770
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	9.571.657.103	-
	275.540.327.469	339.790.484.295

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. THU NHẬP KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học công nghệ (i)	-	1.146.711.002.353
Thu từ thanh lý tài sản	2.198.087.727	-
Thu nhập khác	15.952.050.822	28.445.450.901
	18.150.138.549	1.175.156.453.254

- (i) Trong 6 tháng đầu năm 2013, Tổng Công ty thực hiện hoàn nhập Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ không sử dụng theo Nghị quyết số 01/NQ-KVN của Hội đồng Quản trị ngày 02 tháng 01 năm 2013.

35. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập do hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	30.945.482.839
Lỗ do thanh lý hàng tồn kho, tài sản cố định	15.578.873.726	337.241.987
Chi phí khác	10.178.176.696	1.568.906.082
	25.757.050.422	32.851.630.908

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	8.091.139.299.720	9.083.098.249.148
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.581.019.331.849	1.705.642.448.089
<i>Trong đó:</i>		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.502.678.514.957	1.617.645.836.685
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	17.976.380.266	25.432.007.008
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	1.475.200.221	4.590.424.077
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	24.409.210.813	48.289.673.118
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	34.480.025.592	9.677.083.554
Công ty Cổ phần Thể thao Văn hoá Dầu khí	-	7.423.647

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty và các công ty con có các khoản ưu đãi thuế lớn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

(i) Công ty mẹ - Tổng Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% đối với Dự án Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8898-BKH/DN ngày 31 tháng 12 năm 2001, Dự án Dịch vụ Vận chuyển condensate Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3399-BKH/DN ngày 28 tháng 5 năm 2002 và Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6011-BKH/DN ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, hưởng mức thuế suất 7,5% trong 7 năm tiếp theo và mức thuế suất 15% trong 2 năm sau đó đối với Dự án Trạm nạp LPG Thị Vải theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000055 ngày 10 tháng 8 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (đơn vị cổ phần hóa) đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, hưởng mức thuế suất 7,5% trong 7 năm tiếp theo và mức thuế suất 15% trong 2 năm sau đó đối với Dự án Hệ thống Phân phối khí thấp áp Giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000047 ngày 02 tháng 7 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí PM3 - Cà Mau theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 61101000095 ngày 09 tháng 02 năm 2010. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

(ii) Công ty con - PVGAS South được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG, hoạt động kinh doanh khí CNG tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. PVGAS South đã đăng ký với cơ quan thuế năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế là năm 2010, theo đó, năm 2014 được xem là năm thứ năm hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế và là năm cuối cùng PVGAS South được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - công ty con của PVGAS South có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (từ năm 2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo (từ năm 2011).

(iii) Công ty con - PV Pipe được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 53101000116 ngày 21 tháng 10 năm 2010 của UBND tỉnh Tiền Giang, PV Pipe được hưởng ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang). PV Pipe được hưởng ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể: Thuế suất ưu đãi 20% áp dụng trong thời gian 10 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế, miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty mẹ	6.386.838.581.544	7.200.943.061.986
(Lỗ)/Lợi nhuận trả cho các bên tham gia liên doanh tòa nhà PVGas Tower	(3.476.935.803)	7.378.611.794
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.390.315.517.347	7.193.564.450.192
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.895.000.000	1.895.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.372	3.796

38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.503.698.636.643	3.121.201.787.570
Chi phí mua khí từ các chủ mỏ	9.894.823.264.529	8.975.813.256.274
Chi phí nhân công	385.204.721.787	316.973.928.038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.690.393.965.900	1.623.098.513.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.084.942.819.068	641.091.830.310
Chi phí khác	864.840.034.098	1.123.717.331.741
	17.423.903.442.025	15.801.896.647.495

39. CÁC KHOẢN CAM KẾT**(i) Cam kết vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	951.341.602.333	951.425.238.697
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và Thái Bình lô 102 và 106	557.596.461.942	576.644.814.849
Công trình Mở rộng hệ thống thu gom khí mỏ Rồng giai đoạn 1	-	427.471.810.522
	1.508.938.064.275	1.955.541.864.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***39. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)****(ii) Cam kết khác**

Các khoản cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh:

Cam kết mua hàng

Cam kết mua hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 06.1	Tối thiểu là 2,7 tỷ m ³ /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 06.1
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 11.2	Tối thiểu là 1,216 tỷ m ³ /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 11.2
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 05.3 và 05.2	Tối thiểu 1,3 tỷ m ³ /năm	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2034

Cam kết bán hàng

Cam kết bán hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 1,85 tỷ m ³	Trong giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Phú Mỹ 3 BOT Power (PM3 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m ³	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Năng lượng Mekong (PM 2.2 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m ³	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tổng Công ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 0,447 tỷ m ³	Trong giai đoạn bình ổn theo Hợp đồng
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty Cổ Phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	Tối thiểu hàng năm là 0,785 tỷ m ³	Đến ngày 30 tháng 6 năm 2036

Tổng Công ty đã ký hợp đồng với Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc cung cấp khí cho các nhà máy điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ nguồn bể khí Nam Côn Sơn. Việc cung cấp khí được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2009. Hợp đồng cung cấp khí giữa các bên có xác định khối lượng bao tiêu khí hàng năm, nhưng chưa có quy định trong Hợp đồng về đơn giá áp dụng cho lượng khí giao nhận vượt trên định mức bao tiêu này. Ngày 07 tháng 7 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công văn số 1151/TTg-KTN phê duyệt chủ trương về lộ trình đơn giá khí đối với sản lượng khí trên mức bao tiêu và giao cho Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng nhau thống nhất và ký kết hợp đồng cung cấp khí mới dựa trên lộ trình đơn giá khí đã được phê duyệt. Tuy nhiên, đến ngày phát hành báo cáo tài chính này, Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa thống nhất và chưa thực hiện ký kết hợp đồng với điều khoản giá trên bao tiêu nêu trên. Theo đó, Tổng Công ty đang ghi nhận doanh thu bán khí đối với lượng khí giao vượt trên định mức bao tiêu trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 theo đơn giá hợp đồng đã ký.

Đến ngày phát hành báo cáo này, Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang trong quá trình thương thảo để thống nhất đơn giá bán khí áp dụng cho lượng khí giao nhận vượt trên định mức bao tiêu quy định trong hợp đồng mua bán khí nêu trên. Số chênh lệch doanh thu (nếu có) khi áp dụng đơn giá bán khí mới sẽ được Tổng Công ty điều chỉnh và ghi nhận vào kết quả kinh doanh của các kỳ tiếp theo ngay khi thống nhất với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 30/6/2014	Giá trị ghi sổ 31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.321.030.401.809	18.292.997.853.785
Đầu tư ngắn hạn	1.061.630.416.667	818.400.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.214.491.518.245	5.574.082.855.329
Đầu tư dài hạn	366.600.283.780	366.600.283.780
Tài sản tài chính khác	98.895.763.069	478.022.686.815
Tổng cộng	27.062.648.383.570	25.530.103.679.709
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	7.071.743.866.249	7.456.909.111.987
Phải trả người bán và phải trả khác	1.771.006.991.534	4.490.054.443.522
Chi phí phải trả	1.577.437.157.319	1.564.990.395.523
Tổng cộng	10.420.188.015.102	13.511.953.951.032

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất của các công cụ tài chính này trong tương lai.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	760.431.761.496	1.892.021.464.520	3.883.654.619.840	6.222.515.685.332

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng 5% so với Đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ giảm một khoản như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(156.161.142.917)	(216.524.711.041)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ ảnh hưởng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
		VND
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014		
VND	+200	122.364.685.303
VND	-200	(122.364.685.303)
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013		
VND	+200	148.591.932.884
VND	-200	(148.591.932.884)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các đơn vị khác. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào các đơn vị khác cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty có một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với số tiền là 95.022.170.216 đồng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

30/6/2014	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.321.030.401.809	-	20.321.030.401.809
Đầu tư ngắn hạn	1.061.630.416.667	-	1.061.630.416.667
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.214.491.518.245	-	5.214.491.518.245
Đầu tư dài hạn	-	366.600.283.780	366.600.283.780
Tài sản tài chính khác	98.895.763.069	-	98.895.763.069
	26.696.048.099.790	366.600.283.780	27.062.648.383.570
30/6/2014	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	3.050.701.723.409	4.021.042.142.840	7.071.743.866.249
Phải trả người bán và phải trả khác	1.456.717.138.785	314.289.852.749	1.771.006.991.534
Chi phí phải trả	1.577.437.157.319	-	1.577.437.157.319
	6.084.856.019.513	4.335.331.995.589	10.420.188.015.102
Chênh lệch thanh khoản thuần	20.611.192.080.277	(3.968.731.711.809)	16.642.460.368.468
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.292.997.853.785	-	18.292.997.853.785
Đầu tư ngắn hạn	818.400.000.000	-	818.400.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.574.082.855.329	-	5.574.082.855.329
Đầu tư dài hạn	-	366.600.283.780	366.600.283.780
Tài sản tài chính khác	478.022.686.815	-	478.022.686.815
	25.163.503.395.929	366.600.283.780	25.530.103.679.709
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	2.852.512.594.119	4.604.396.517.868	7.456.909.111.987
Phải trả người bán và phải trả khác	4.216.592.060.868	273.462.382.654	4.490.054.443.522
Chi phí phải trả	1.564.990.395.523	-	1.564.990.395.523
	8.634.095.050.510	4.877.858.900.522	13.511.953.951.032
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.529.408.345.419	(4.511.258.616.742)	12.018.149.728.677

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (công ty mẹ của Tổng Công ty) và các công ty con, các đơn vị thành viên và các đơn vị liên kết của Tập đoàn.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	105.163.492.285	280.363.391.298
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	1.546.935.484.846	1.451.457.001.641
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	520.095.346.500	233.325.937.304
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	530.903.935.753	235.654.725.824
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	3.242.960.011.140	3.478.076.991.954
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	554.224.169.933	395.370.740.255
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	-	46.423.984.606
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.367.942.190.539	850.933.294.969
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	376.134.873.004	323.340.429.008
Mua hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.548.793.465.132	5.954.547.740.565
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	511.528.618.417	1.866.542.590.460
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	21.930.829.685	181.998.066.713
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.376.934.826.931	2.672.026.079.097
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí VietsovPetro	124.818.709.654	135.217.550.948
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	40.049.849.348
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	335.993.670.605	95.535.414.215
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	134.636.637.617	-
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	8.729.951.725	8.492.672.831

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản phải thu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	292.931.157.456	302.402.933.494
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	364.362.333.841	281.531.190.794
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	243.335.905.308	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	81.242.620.376	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	3.522.534.613	3.522.534.613
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	82.795.075.293	162.039.975.126
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	62.221.767.761	61.596.610.765
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	56.862.570.596	44.957.405.058
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	148.384.972.460	138.578.958.296

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau (Tiếp theo):

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	49.572.583.119	57.177.865.931
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí Việt Nam	58.132.995.381	-
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	41.384.760.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	50.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải trả người bán		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.161.365.191	6.131.365.191
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	50.773.739.349	66.419.965.794
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	32.359.945.333	677.720.709.774
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.462.525.620	29.053.590.773
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	19.810.128.732	317.546.678.975
Phải trả nội bộ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	119.284.514.165	342.625.838.563
Chi phí phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.064.009.851.821	981.867.578.026
Phải trả khác		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	171.321.543.651	173.639.500.854
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	65.025.992.405	65.025.992.405
Trả trước người bán		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	16.694.710.298	7.475.635.514
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	173.645.399.729	173.645.399.729
Các khoản vay		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.058.830.378.153	686.956.739.845

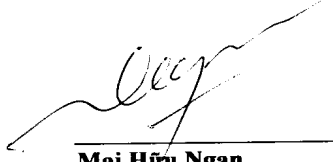
42. SỐ LIỆU SO SÁNH

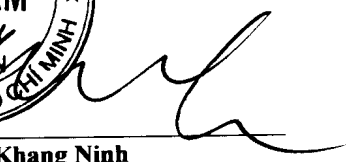
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét.


Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu

Ngày 19 tháng 8 năm 2014


Mai Hữu Ngân
 Kế toán trưởng


Đỗ Khang Ninh
 Tổng Giám đốc

